

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02 /YSBN/ 2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH YẾN SÀO BẢY NÚI**

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Phú Tâm, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0967020581

Fax:

E-mail: info@chanphuong.vn

Mã số doanh nghiệp: Số 1602060777 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 01 năm 2018

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 004/2023/NNPTNT-AG ngày cấp: 04/01/2023.

Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản An Giang

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Mật thốt nốt sệt**

2. Thành phần: Mật thốt nốt cô đặc (100%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 6 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 450 g và 1 kg.

- Chất liệu bao bì: Bao bì làm từ nhựa PET (Polyethylen) đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 12 – 1: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở: **CÔNG TY TNHH YẾN SÀO BẢY NÚI**

- Địa chỉ: Tổ 10, ấp Phú Tâm, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng sệt, chứa trong hũ nhựa, không lẫn tạp chất
- Màu sắc: Sản phẩm có màu vàng nâu
- Mùi vị: Mùi, vị ngọt đặc trưng của sản phẩm, không có mùi, vị lạ.

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	%	≤ 14

3. Các chỉ tiêu an toàn chủ yếu: Phù hợp theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về “Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm”.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO ₂	mg/kg	≤ 40
2	Hàm lượng Natri Benzoate	mg/kg	≤ 1000

4. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0

3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,5
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

5. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Theo thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế “ Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm”.

6. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tỉnh Biên, ngày 17 tháng 01 năm 2023

